

PHÁP LUẬT MỘT SỐ NƯỚC VỀ ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI

Tài liệu này tập trung tổng hợp quy định về đầu tư trực tiếp nước ngoài của ở một số nước đang phát triển và các nước phát triển để có một cái nhìn toàn diện đối với chính sách quản lý hoạt động đầu tư nước ngoài trên thế giới. Tài liệu giới thiệu về đầu tư trực tiếp nước ngoài ở các nước nói trên với 6 nội dung như sau: Nguồn luật điều chỉnh hoạt động đầu tư nước ngoài; Hình thức đầu tư và loại hình doanh nghiệp; Hình thức ưu đãi, hỗ trợ đầu tư; Cơ quan quản lý về đầu tư; Thủ tục đầu tư; Một số vấn đề khác.

1. Nguồn luật điều chỉnh hoạt động đầu tư nước ngoài

Tùy thuộc vào nhu cầu quản lý, trình độ lập pháp và hệ thống pháp luật, các nước trên thế giới có những quy định khác nhau điều chỉnh hoạt động đầu tư nước ngoài. Theo thống kê, trong số 40 quốc gia trên thế giới có một hoặc một số đạo luật trực tiếp quy định về hoạt động đầu tư (không kể Việt Nam),¹ có 10 nước có đạo luật riêng chỉ áp dụng đối với hoạt động đầu tư nước ngoài, bao gồm: Afghanistan, Albania, Bhutan, Bosnia and Herzegovina, Hàn Quốc, Trung Quốc, Cộng hòa Iran và Marshall Islands, Pakistan, Thổ Nhĩ Kỳ và Philippines.

Căn cứ vào nội dung đạo luật của các nước, có thể chia hệ thống pháp luật về đầu tư của các nước thành 3 nhóm:

- Nhóm 1: Các nước có một đạo luật điều chỉnh toàn diện các vấn đề liên quan đến hoạt động đầu tư. Một số nước thuộc nhóm này bao gồm: Canada, Indonesia, Đức và Việt Nam. Đối với các nước này, Luật Đầu tư bao gồm các nội dung liên quan đến hầu hết các hoạt động của quá trình đầu tư. Ví dụ: Luật Đầu tư Indonesia quy định các nội dung như nguyên tắc chung thực hiện đầu tư, các hình thức đầu tư, đối xử với nhà đầu tư, lao động, lĩnh vực đầu tư, quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư, giấy phép đầu tư, quản lý đầu tư, đặc khu kinh tế, giải quyết tranh chấp.² Đối với Canada, phạm vi điều chỉnh của Luật hẹp hơn, chỉ giới hạn trong việc quy định về thẩm quyền quản lý, thủ tục đầu tư, quản lý

¹ Các nước có Luật đầu tư như: Afghanistan, Albania; Angola; Bangladesh; Belarus; Bhutan; Bosnia and Herzegovina; Botswana; Bulgaria; Canada; Cambodia; Trung Quốc; Comoros; Cộng hòa dân chủ Congo; Cộng hòa Congo; Bờ Biển Ngà; Ai Cập; Gabon; Đức; Guinea; Iran; Indonesia; Kenya; Hàn Quốc; Lebanon; Lithuania; Quần đảo Marshall; Malaysia; Mexico; Morocco; Philippines; Pakistan; Rwanda; Senegal; Sierra Leone; Solomon Islands; Switzerland; Syria; Togo; Thổ Nhĩ Kỳ; Cộng hòa Yemen; Zimbabwe.

Một số nước không có Luật đầu tư hoặc chỉ quy định một số hoạt động đầu tư: Australia; Nhật Bản; Hoa Kỳ; Vương quốc Anh; Thái Lan.

² Xem thêm *Law of the Republic of Indonesia, Number 25 of 2007 concerning Investment*.

những dự án có khả năng ảnh hưởng tới an ninh quốc gia, tổ chức và hoạt động của pháp nhân thành lập bởi nhà đầu tư, xử lý vi phạm.³ Luật Đầu tư Philippines cũng quy định hầu hết các vấn đề về đầu tư, tuy nhiên, các nội dung này được quy định rất vắn tắt.⁴ Luật Đầu tư của Đức ngoài việc quy định những nội dung trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư tại Đức còn giải quyết mối quan hệ giữa các quy định về đầu tư của Đức với các quy định của Liên minh Châu Âu.⁵ Nhìn chung, trong nhóm này, Luật Đầu tư là đạo luật quan trọng nhất điều chỉnh các hoạt động liên quan tới quá trình đầu tư. Các đạo luật khác như Luật Doanh nghiệp, Luật Thương mại hoặc các luật chuyên ngành chỉ quy định cụ thể hơn những nội dung đặc thù.

Hộp: Pháp luật về đầu tư trực tiếp nước ngoài của Trung Quốc

- 6 Luật: Luật Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Luật Hợp đồng liên doanh; Luật Liên doanh vốn; Luật Liên doanh; Luật Hợp tác kinh doanh; Luật Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài.
- Quy định hướng dẫn bắt đầu hoạt động đầu tư nước ngoài tại Trung Quốc (Ban hành cùng với Nghị định số 346 năm 2002 của Hội đồng nhà nước).
- Danh mục lĩnh vực kêu gọi đầu tư nước ngoài (sửa đổi năm 2011), bao gồm danh mục lĩnh vực khuyến khích đầu tư, danh mục lĩnh vực hạn chế đầu tư nước ngoài, danh mục lĩnh vực cấm hoạt động đầu tư nước ngoài
- Danh mục lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư nước ngoài ở khu vực Trung và Tây Trung Quốc (Ban hành kèm theo Nghị định số 4 của Ủy ban cải cách và phát triển quốc gia và Bộ Thương mại).
- Quy định chuyển tiếp về hoạt động hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp trong nước của nhà đầu tư nước ngoài (Ban hành theo Nghị định số 10 năm 2006 của Bộ Thương mại).

- Nhóm 2: Các nước có một hoặc một số đạo luật khuyến khích vào bảo hộ đầu tư. Nhóm này phổ biến hơn so với Nhóm thứ nhất, gồm một số đại diện: Hàn Quốc, Malaysia, Pakistan, Thổ Nhĩ Kỳ, Mexico, Iran, Bangladesh, Pakistan

³ Xem thêm *Investment Canada Act, R.S.C 1985, C.28 (1st Supt)* .

⁴ Xem thêm *Republic Act No 7042 – An Act to promote foreign Investment, prescribe procedure for registering enterprises doing business in the Philippines and for other purposes.*

⁵ Xem thêm *German Capital Investment Code.*

và Philippine. Trong nhóm này, quy định về tổ chức, hoạt động, trình tự, thủ tục, thẩm quyền quản lý và nhiều nội dung khác liên quan đến đầu tư được cụ thể hóa tại pháp luật chuyên ngành. Luật Đầu tư chủ yếu tập trung quy định các nội dung liên quan đến khuyến khích và bảo hộ đầu tư. Ví dụ: Luật Khuyến khích đầu tư Hàn Quốc quy định các cam kết về bảo đảm đầu tư của nhà nước, các biện pháp ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, khu vực khuyến khích đầu tư nước ngoài, một số nội dung liên quan đến quản lý hoạt động đầu tư, sử dụng công nghệ và xử lý vi phạm trong đầu tư. Đạo luật này cũng quy định một vài nội dung cơ bản liên quan đến thủ tục thực hiện đầu tư tại Hàn Quốc.⁶ Tương tự như vậy, Luật khuyến khích đầu tư Malaysia cũng chủ yếu tập trung vào các vấn đề về ưu đãi đầu tư, quyết định những lĩnh vực, sản phẩm cần khuyến khích đầu tư hoặc địa bàn ưu đãi đầu tư.⁷ Luật khuyến khích và bảo hộ đầu tư tư nhân nước ngoài của Pakistan chỉ bao gồm 11 Điều, quy định về lĩnh vực đầu tư, phê chuẩn hoạt động đầu tư, bảo hộ đầu tư, chuyển lợi nhuận về nước, miễn giảm thuế, tránh đánh thuế hai lần và hỗ trợ giải quyết khó khăn. Có thể thấy, đối với các nước thuộc nhóm 2, Luật Đầu tư hầu như chỉ tập trung vào việc cam kết bảo hộ và định hướng hoạt động đầu tư vào những lĩnh vực, địa bàn, sản phẩm mà nước nhận đầu tư mong muốn thu hút. Những nội dung cụ thể liên quan đến quá trình triển khai hoạt động đầu tư được quy định trong các luật khác.

Hộp: Pháp luật về đầu tư trực tiếp nước ngoài của Malaysia

- Malaysia không có đạo luật riêng về đầu tư nước ngoài. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được điều chỉnh bởi các đạo luật về doanh nghiệp và đăng ký doanh nghiệp chung với các doanh nghiệp trong nước.
- Luật Công ty năm 1965 số 125, sửa đổi lần cuối năm 2007; Luật Ủy ban doanh nghiệp Malaysia số 614, sửa đổi lần cuối năm 2001; Luật Đăng ký kinh doanh số 197, sửa đổi lần cuối năm 2001; Luật Công ty TNHH hợp danh, ban hành năm 2012; Luật Công ty Ủy thác của đảo Labuan số 442, ban hành năm 1990; Luật hợp tác trong lĩnh vực công nghiệp năm 1975.
- Chính sách ưu đãi đầu tư được quy định trong các đạo luật sau: Luật Xúc tiến đầu tư năm 1986; Luật Khu thương mại tự do năm 1990.

⁶ Xem thêm *Foreign Investment Promotion Act (Republic of Korea)* .

⁷ Xem thêm *Law of Malaysia, Act 327, Promotion of Investment Act 1986* .

- Nhóm 3: Nhóm thứ 3 gồm các nước còn lại. Những nước này thường không có một đạo luật riêng biệt về đầu tư (Ví dụ: Vương quốc Anh,⁸ Thái Lan)⁹ hoặc nếu có cũng chỉ quy định về các hoạt động sáp nhập, mua lại hoặc đầu tư thông qua thị trường chứng khoán (Ví dụ: Nhật,¹⁰ Australia¹¹, Hoa Kỳ¹²). Về cơ bản, những nước này khuyến khích nhà đầu tư tham gia vào hầu hết các lĩnh vực của nền kinh tế. Quá trình thực hiện hoạt động đầu tư được tiến hành như đối với nhà đầu tư trong nước. Nhà đầu tư cả trong nước và nước ngoài phải tuân thủ các quy định của pháp luật về chống độc quyền và những giới hạn trong các quy định về hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp để đảm bảo duy trì tính cạnh tranh cho môi trường đầu tư. Ngoài ra, để bảo hộ nhà sản xuất trong nước, nước sở tại có thể ban hành những danh mục cấm đầu tư, hạn chế đầu tư hoặc những lĩnh vực chưa mở cửa đối với nhà đầu tư nước ngoài.

Như vậy, nếu xét về nguồn luật điều chỉnh hoạt động đầu tư nước ngoài, có sự khác biệt rất lớn giữa các nhóm quốc gia. Nội dung của đạo luật về đầu tư thường được thiết kế phù hợp với mục tiêu quản lý, trình độ quản lý và đặc thù của hệ thống pháp luật từng quốc gia.

2. Quy định về hình thức đầu tư và loại hình doanh nghiệp

Đối với hình thức đầu tư, việc phân loại thường dựa vào cách thức nhà đầu tư đưa tiền vào thị trường để thu lợi nhuận. Có ba hình thức đầu tư phổ biến là đầu tư sở hữu (ownership), đầu tư cho vay (lending) và đầu tư tiền – tương đương tiền (Cash – Cash Equivalents). Luật đầu tư của hầu hết các nước chỉ quy định về hình thức đầu tư sở hữu. Một số nước quy định hình thức đầu tư cho vay (Ví dụ tại Điều 8 Luật Khuyến khích đầu tư của Hàn Quốc) quy định về hình thức đầu tư bằng các khoản cho vay dài hạn. Tuy nhiên, những quy định như luật Hàn Quốc là không phổ biến. Trong hình thức đầu tư sở hữu có hai hình thức cụ thể thường được pháp luật của các nước quy định là đầu tư thành lập pháp nhân mới và đầu tư thông qua việc mua lại một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp đã tồn tại. Ví dụ, Khoản 3 Điều 5 Luật Đầu tư số 25 năm 2007 của Indonesia quy định: nhà đầu tư được đầu tư theo hình thức thành lập doanh nghiệp hoặc mua cổ phần, trong đó pháp luật nhìn nhận việc thành lập doanh

⁸ Xem thêm *Competition Act 1998, UK*.

⁹ Xem thêm *Foreign Business Act B.E. 2542 (1999), Thailand*.

¹⁰ Xem thêm *Act on Investment Trusts and Investment Corporations, Japan*.

¹¹ Xem thêm *Foreign Acquisitions and takeover Act 1975, Australia*.

¹² Xem thêm *Foreign Investment and National Security Act of 2007 (FINSA), The United States*.

nghiệp là trường hợp nhà đầu tư mua cổ phần của công ty vào thời điểm công ty được thành lập. Khoản b, Điều 2 Luật Đầu tư trực tiếp của Thổ Nhĩ Kỳ¹³ quy định hai hình thức đầu tư: đầu tư thành lập mới một công ty hoặc chi nhánh của nhà đầu tư nước ngoài, đầu tư mua cổ phần của một công ty đã được thành lập ở Thổ Nhĩ Kỳ. Quy định này có nhiều điểm tương đồng đối với các thức quy định của Luật Đầu tư Việt Nam.

Bên cạnh hình thức đầu tư, loại hình doanh nghiệp cũng được quy định trong Luật Đầu tư của nhiều nước. Việc phân loại các loại hình doanh nghiệp chủ yếu dựa vào phạm vi trách nhiệm của chủ sở hữu đối với các nghĩa vụ của công ty và mức độ tách bạch giữa sở hữu và điều hành quá trình trong quản lý và vận hành công ty. Có bốn loại hình doanh nghiệp phổ biến: Doanh nghiệp tư nhân (Sole proprietorships), Công ty hợp danh (Partnerships), Công ty cổ phần (Corporations) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn (Limited Liability Company - LLC). Những loại hình doanh nghiệp này thường được ghi nhận trong Luật Doanh nghiệp các nước. Tuy vậy, Luật Đầu tư mỗi nước khác nhau lại có những giới hạn khác nhau đối với nhà đầu tư nước ngoài trong việc lựa chọn loại hình doanh nghiệp. Ví dụ: Luật Đầu tư Indonesia chỉ cho phép nhà đầu tư nước ngoài lựa chọn loại hình Công ty trách nhiệm hữu hạn (Khoản 3 Điều 5 Luật Đầu tư số 25). Luật Khuyến khích đầu tư Hà Quốc không đưa ra một giới hạn cụ thể nào về việc lựa chọn loại hình doanh nghiệp đối với nhà đầu tư nước ngoài trong khi luật doanh nghiệp nước này cũng quy định 4 loại hình doanh nghiệp là công ty hợp danh, công ty hợp danh hữu hạn, công ty cổ phần và công ty trách nhiệm hữu hạn. Luật Trung Quốc đưa ra những loại hình doanh nghiệp chỉ áp dụng đối với trường hợp có nhà đầu tư nước ngoài tham gia ví dụ như: doanh nghiệp liên doanh, doanh nghiệp liên doanh vốn, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, công ty trách nhiệm hữu hạn có vốn nước ngoài, tập đoàn. Mỗi loại hình doanh nghiệp nói trên áp dụng cho nhà đầu tư nước ngoài được quy định bởi một đạo luật riêng về đầu tư nước ngoài.

Hộp: Hình thức đầu tư và loại hình doanh nghiệp ở Indonesia

1. Hình thức đầu tư: Nhà đầu tư được phép lựa chọn một trong những hình thức đầu tư sau đây: Đầu tư thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn mới (mua toàn bộ cổ phần của công ty trách nhiệm hữu hạn ngay khi công ty này vừa thành lập); Mua cổ phần của các công ty đang tồn tại.

¹³ Xem *Foreign direct Investment Law, Turkey*.

2. Loại hình doanh nghiệp:

- Nhà đầu tư trong nước có thể lựa chọn đầu tư thành lập pháp nhân hoặc không thành lập pháp nhân, hoặc thành lập doanh nghiệp tư nhân theo quy định của luật.
- Nhà đầu tư nước ngoài buộc phải đầu tư theo hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn

3. Hình thức ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

3.1. Về căn cứ và thể thức áp dụng

Tương tự như Việt Nam, các nước đều ban hành chính sách khuyến khích và hạn chế ĐTNN phù hợp với chương trình phát triển kinh tế, xã hội và nhu cầu thu hút vốn ĐTNN trong từng thời kỳ của mình. Chính sách này được thể hiện dưới hình thức các Danh mục lĩnh vực khuyến khích, cấm và hạn chế đầu tư. Một số nước không ban hành Danh mục khuyến khích ĐTNN mà chỉ đưa ra các Danh mục lĩnh vực cấm hoặc hạn chế đầu tư; ngoài các lĩnh vực này, nhà đầu tư được phép tiến hành hoạt động đầu tư và xin được hưởng ưu đãi nếu đáp ứng một số điều kiện nhất định.

3.2. Về hình thức hạn chế ĐTNN

Các nước có thể áp dụng nhiều cách thức khác nhau để hạn chế nhà đầu tư nước ngoài như: hạn chế về sở hữu vốn tối đa và tối thiểu của nhà đầu tư nước ngoài; hạn chế về địa bàn tiêu thụ sản phẩm/dịch vụ; yêu cầu xuất khẩu, nội địa hóa, phát triển nguồn nguyên liệu trong nước; yêu cầu về chuyển giao công nghệ, mức độ sử dụng lao động... Tuy nhiên, để thực hiện các cam kết quốc tế song phương và đa phương, các nước trong Khu vực đã xóa bỏ hầu hết những hạn chế nói trên. Hiện nay, hình thức hạn chế ĐTNN được áp dụng chủ yếu ở các nước này là quy định về giới hạn sở hữu vốn tối đa của nhà đầu tư nước ngoài và phạm vi kinh doanh, chủ yếu trong một số ngành dịch vụ nhạy cảm. Các nước thường xây dựng danh mục cấm đầu tư, khuyến khích đầu tư, đầu tư có điều kiện. Trong trường hợp Thái Lan, nước này còn ban hành Danh mục hoạt động kinh doanh trong đó doanh nghiệp Thái Lan chưa sẵn sàng cạnh tranh với các doanh nghiệp nước ngoài. Philippines ban hành danh mục các lĩnh vực đầu tư

trong đó quy định cụ thể đối với từng lĩnh vực, nhà đầu tư nước ngoài được đầu tư tối đa bao nhiêu phần trăm.¹⁴

3.3. Chính sách ưu đãi đầu tư

Có những chính sách khuyến khích đầu tư cơ bản được các nước trên thế giới sử dụng bao gồm:

- Khuyến khích bằng thuế hoặc trợ cấp: đây là một trong những biện pháp phổ biến nhất được áp dụng trên thế giới cũng như trong khu vực. Các nước có thể ban hành các chính sách miễn, giảm các loại thuế (thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế chuyển lợi nhuận về nước) hoặc hỗ trợ một số chi phí như chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật kết nối với nhà máy của doanh nghiệp, chi phí vận hành (vận chuyển, điện, nước). Ví dụ: Thái Lan có thể áp dụng giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp đối với lĩnh vực ưu đãi, bổ sung 25% khấu trừ chi phí xây dựng và lắp đặt cơ sở hạ tầng của doanh nghiệp; khấu trừ hai lần chi phí vận chuyển, điện và nước hoặc miễn, giảm thuế nhập khẩu máy móc, thiết bị.

- Hỗ trợ phi thuế: cho phép đưa vào lãnh thổ của mình công dân nước ngoài để nghiên cứu cơ hội đầu tư hoặc đưa vào những người lao động kỹ năng cao và chuyên gia để thực hiện việc xúc tiến đầu tư; cho phép sở hữu đất đai; cho phép mang lợi nhuận ra nước ngoài bằng ngoại tệ.¹⁵

Hộp: Ưu đãi ở Thái Lan

Hiện nay Thái Lan đang áp dụng những chính sách ưu đãi sau:

1. *Khuyến khích bằng thuế*: Miễn, giảm thuế nhập khẩu máy móc, thiết bị; Giảm thuế nhập khẩu nguyên liệu thô và những nguyên liệu cần thiết; Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế lợi tức; Giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp; Khấu trừ hai lần chi phí vận chuyển, điện và nước; Bổ sung 25% khấu trừ chi phí xây dựng và lắp đặt cơ sở hạ tầng của doanh nghiệp; Miễn thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu thô và nguyên liệu thiết yếu sử dụng để sản xuất hàng xuất khẩu.

2. *Khuyến khích không bằng thuế*: Cho phép công dân nước ngoài vào Thái Lan để nghiên cứu cơ hội đầu tư; Cho phép đưa vào Thái Lan

¹⁴Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UNDP, Báo cáo nghiên cứu về pháp luật đầu tư nước ngoài ở một số nước, 2004.

¹⁵Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UNDP, Báo cáo nghiên cứu về pháp luật đầu tư nước ngoài ở một số nước, 2004.

những người lao động kỹ năng cao và chuyên gia để thực hiện việc xúc tiến đầu tư; Cho phép sở hữu đất đai; Cho phép mang lợi nhuận ra nước ngoài bằng ngoại tệ;

3. Biện pháp bảo vệ nhà đầu tư sản xuất tại Thái Lan: Áp một khoản thuế nhập khẩu tăng thêm đối với những hàng hóa nhập khẩu vào Thái Lan mà mặt hàng đó tương tự với những mặt hàng do các nhà đầu tư sản xuất trong nước. Mức thuế sẽ không quá 50% giá của bảo hiểm và phí vận chuyển cho hàng hóa đó. Thời gian áp dụng mức thuế tăng thêm này không quá một năm. Trong trường hợp Ủy ban Đầu tư cho rằng việc áp mức thuế nhập khẩu tăng thêm nói trên không đủ mạnh để bảo vệ hoạt động sản xuất trong nước thì có thể áp dụng biện pháp cấm nhập khẩu. Trong trường hợp các nhà đầu tư gặp khó khăn trong quá trình triển khai hoạt động đầu tư, Chủ tịch Ủy ban Đầu tư sẽ đưa ra các biện pháp hỗ trợ cần thiết cho nhà đầu tư.

3.4. Các chính sách bảo đảm đầu tư

Những biện pháp bảo đảm đầu tư đang áp dụng phổ biến ở một số nước bao gồm:

- Nhà nước không quốc hữu hóa các tài sản của Nhà đầu tư;
- Nhà nước không thực hiện những hoạt động cạnh tranh với hoạt động của nhà đầu tư;
- Nhà nước không độc quyền bán các sản phẩm tương tự như sản phẩm của nhà đầu tư;
- Nhà nước không buộc nhà đầu tư phải điều chỉnh giá bán các sản phẩm của mình;
- Nhà nước cho phép xuất khẩu sản phẩm vào bất kỳ thời điểm nào nhà đầu tư có yêu cầu;
- Nhà nước không cho phép bất kỳ cơ quan nhà nước, tổ chức nhà nước hoặc doanh nghiệp nhà nước nào miễn thuế nhập khẩu bất kỳ loại sản phẩm nào đang được sản xuất bởi nhà đầu tư vào lãnh thổ nước sở tại.

Cùng với việc tham gia ngày càng sâu hơn vào tiến trình tự do hóa đầu tư, phạm vi, mức độ của các cam kết bảo đảm đầu tư ở các nước đã dần dần trở nên

tương đồng hơn. Những biện pháp bảo đảm đầu tư nói trên được áp dụng ở hầu hết các nước trong khu vực Đông Nam Á.¹⁶

4. Mô hình tổ chức, quản lý hoạt động đầu tư

Trừ Việt Nam và Trung Quốc là những nước thành lập cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư ở các cấp khác nhau để thực hiện chức năng thẩm định, cấp giấy phép đầu tư, xem xét áp dụng ưu đãi đầu tư và quản lý hoạt động ĐTNN, hầu hết các nước trong khu vực đều thành lập cơ quan phụ trách về đầu tư với nhiệm vụ chủ yếu là xem xét, cấp chứng nhận ưu đãi cho cả nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài.

Ở Indonesia

Cơ quan thống nhất quản lý về đầu tư (cả đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài) là Ban điều phối đầu tư Indonesia – BKPM. Đây là một cơ quan độc lập trực thuộc Tổng thống mà không nằm dưới bất kỳ cơ quan nào khác của Chính phủ. Đây là cơ quan có nhiệm vụ điều phối hoạt động đầu tư giữa Chính phủ, các cơ quan của Chính phủ, Ngân hàng Indonesia và chính quyền địa phương cũng như giữa các chính quyền địa phương với nhau. Hơn thế nữa, BKPM còn được biết tới như một cơ quan ủy nhiệm của các nhà đầu tư, cung cấp cho họ những đảm bảo cần thiết để tiến hành hoạt động đầu tư. Về tổ chức, cơ quan này có trụ sở chính ở Jakarta và có văn phòng đại diện ở các địa phương. Mỗi văn phòng đều có bộ phận một cửa tiếp nhận hồ sơ dự án đầu tư.

Ngoài ra, có một số lĩnh vực chuyên ngành hồ sơ được nộp và xử lý tại bộ chủ quản, cụ thể như sau: Ngân hàng - nộp tại Ngân hàng trung ương Indonesia; Tài chính phi ngân hàng – nộp tại Tổng giám đốc Các tổ chức tài chính; một số lĩnh vực đặc thù khác. Đối với một số lĩnh vực thuộc lĩnh vực cấm và hạn chế đầu tư, nhà đầu tư cần được phê chuẩn từ bộ quản lý trong lĩnh vực.

Ở Thái Lan

Thái Lan có hai cơ quan liên quan đến việc quản lý đầu tư. Cục Phát triển kinh doanh trực thuộc Bộ Thương mại, là cơ quan đầu mối trong việc tiến hành các thủ tục đăng ký cấp Giấy phép kinh doanh nước ngoài và đăng ký thành lập doanh nghiệp tại Thái Lan.

¹⁶Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UNDP, *Báo cáo nghiên cứu về pháp luật đầu tư nước ngoài ở một số nước*, 2004.

Cục Quản lý đầu tư trực thuộc Bộ Công nghiệp là cơ quan quản lý về đầu tư của Thái Lan. Cơ quan này có vai trò chủ trì trong việc xây dựng các danh mục khuyến khích, hạn chế đầu tư. Cơ quan này cũng tham gia vào việc xúc tiến đầu tư và hỗ trợ các dự án đầu tư nước ngoài thuộc lĩnh vực được khuyến khích đầu tư tại Thái Lan.

Ở Malaysia

Cơ quan quản lý về đầu tư của Malaysia là Cục Phát triển đầu tư Malaysia (MIDA) trực thuộc Bộ Thương mại quốc tế và Công nghiệp. Cơ quan quản lý về đăng ký kinh doanh của Malaysia là Ủy ban doanh nghiệp Malaysia trực thuộc Bộ Thương mại nội địa, hợp tác xã và bảo vệ người tiêu dùng.

Ở Philippines

Ủy ban Đầu tư là cơ quan trực tiếp quản lý về hoạt động đầu tư và tiến hành đăng ký cho các dự án đầu tư tại Philippines. Ủy ban Chứng khoán là cơ quan quản lý về đăng ký doanh nghiệp tại Philippines.

5. Thủ tục đầu tư

Thủ tục đầu tư tại các nước khác nhau có thể chia làm hai nhóm:

- *Nhóm 1:* các nước cấp Giấy phép đầu tư hoặc các hình thức chấp thuận đầu tư. Nhóm này gồm: Việt Nam (Giấy chứng nhận đầu tư) và Trung Quốc (Chấp thuận đầu tư), Thái Lan (Giấy phép kinh doanh nước ngoài), Malaysia (Giấy phép sản xuất), Philippines (Phê chuẩn của Ban đầu tư). Đối với nhóm này, Nhà đầu tư nước ngoài khi tiến hành đầu tư phải được sự chấp thuận của cơ quan quản lý về đầu tư nước ngoài trước khi hoặc đồng thời với việc thành lập doanh nghiệp để triển khai hoạt động. Đối với trường hợp Malaysia và Philippines, sau khi thành lập doanh nghiệp, trong một số trường hợp Nhà đầu tư phải làm các thủ tục lần lượt là cấp Giấy phép sản xuất hoặc Phê chuẩn của Ban đầu tư.

- *Nhóm 2:* không áp dụng thủ tục riêng đối với nhà đầu tư nước ngoài. Nhóm này bao gồm các nước còn lại. Ở các nước này hệ thống quy định về đầu tư xác định rõ điều kiện mà nhà đầu tư nói chung và nhà đầu tư nước ngoài nói riêng phải đáp ứng khi thực hiện đầu tư vào một lĩnh vực, sản xuất một sản phẩm hoặc trên một địa bàn xác định. Nếu nhà đầu tư đáp ứng được các điều kiện đó thì tiến hành đăng ký thành lập doanh nghiệp hoặc góp vốn, mua cổ phần vào các doanh nghiệp đang hiện hữu để thực hiện kế hoạch kinh doanh của

mình. Có một số nước có thể yêu cầu nhà đầu tư thông báo về việc tiến hành đầu tư trong một số trường hợp nhất định (Canada).

Các bước của quá trình thực hiện đầu tư có thể khác nhau ở các quốc gia nhưng nhìn chung đều trải qua một số bước chính gồm chuẩn bị dự án, xin các chấp thuận hoặc giấy phép (nếu có), thành lập doanh nghiệp, xin các giấy phép chuyên ngành để đi vào hoạt động.¹⁷ Đối với một số nước châu Á, pháp luật Trung Quốc đòi hỏi phải có 8 bước; Indonesia – 7 bước; trong khi đó các nước Thái Lan, Malaysia, Philippines chỉ yêu cầu 2 bước.

PHỤ LỤC: Một số khái niệm về đầu tư ở các nước

1. Đầu tư

Philippine: “Đầu tư”: là việc đưa tài sản vào doanh nghiệp mới thành lập hoặc doanh nghiệp đang tồn tại theo quy định của luật Philippines.

2. Đầu tư nước ngoài

Indonesia: “Đầu tư nước ngoài” là hoạt động triển khai một kế hoạch kinh doanh trên lãnh thổ Indonesia và được thực hiện bởi nhà đầu tư nước ngoài, sử dụng hoàn toàn vốn đầu tư nước ngoài hoặc sử dụng một phần vốn nước ngoài để tham gia vào một liên doanh với nhà đầu tư trong nước;

Philippine: “Đầu tư nước ngoài”: là hoạt động đầu tư thực hiện bởi các chủ thể không phải là công dân Philippines dưới hình thức chuyển ngoại hối và/hoặc các hình thức tài sản thực tế khác vào lãnh thổ Philippines và được đăng ký với Ngân hàng Trung ương.

Bangladesh: “Đầu tư của tư nhân nước ngoài” là hoạt động đầu tư bằng vốn nước ngoài và được thực hiện bởi người không phải công dân Bangladesh hoặc bởi một công ty thành lập ngoài lãnh thổ Bangladesh nhưng không bao gồm hoạt động đầu tư của chính phủ hoặc cơ quan của chính phủ nước ngoài.

Hàn Quốc: “Đầu tư nước ngoài” được sử dụng theo bất kỳ trường hợp nào sau đây:

(a) Khi một Người nước ngoài mua, theo điều kiện quy định bởi Nghị định của Tổng thống, cổ phần hoặc phần vốn góp (sau đây gọi là “cổ phần”) của một doanh nghiệp Hàn Quốc (bao gồm cả những doanh nghiệp Hàn Quốc đang trong quá trình thành lập) hoặc một công ty đầu tư bởi một công dân của Hàn

¹⁷Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UNDP, *Báo cáo nghiên cứu về pháp luật đầu tư nước ngoài ở một số nước*, 2004.

Quốc, nhằm mục đích thành lập một mối quan hệ liên tục và tham gia quản lý doanh nghiệp hoặc công ty;

(b) Khi một khoản vay với thời hạn không dưới 5 năm cho một doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài bởi công ty mẹ của doanh nghiệp đó ở nước ngoài hoặc bởi một công ty có mối quan hệ với công ty mẹ đó theo quy định tại Nghị định của Tổng thống.¹⁸

Pakistan: “Đầu tư tư nhân nước ngoài” là việc đầu tư bằng vốn đầu tư nước ngoài của người không phải là công dân Pakistan [hoặc người là công dân Pakistan nhưng cũng đồng thời là công dân của nước khác] hoặc bởi một công ty được thành lập ngoài lãnh thổ Pakistan, nhưng không bao gồm khoản đầu tư của chính phủ nước ngoài hoặc của cơ quan của chính phủ nước ngoài đó;

3. Nhà đầu tư nước ngoài

Indonesia: “Nhà đầu tư nước ngoài” là một công dân nước ngoài, một thực thể kinh doanh nước ngoài hoặc một chính phủ nước ngoài thực hiện hoạt động đầu tư trên lãnh thổ Indonesia.

Hàn Quốc: “Người nước ngoài” trong luật này là người có quốc tịch nước ngoài hoặc doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật có liên quan của nước ngoài (sau đây gọi là “doanh nghiệp nước ngoài”) hoặc một tổ chức hợp tác kinh tế quốc tế được mô tả trong Nghị định của Tổng thống.¹⁹

“Nhà đầu tư nước ngoài” là người nước ngoài đang sở hữu cổ phần theo điều kiện quy định bởi Luật Khuyến khích và Bảo hộ đầu tư.

Thái Lan: “Người nước ngoài” là

- (1) Cá nhân không mang quốc tịch Thái Lan;
- (2) Pháp nhân không được đăng ký thành lập tại Thái Lan;
- (3) Một pháp nhân đăng ký thành lập tại Thái Lan và có các đặc điểm sau đây:

(a) Có một nửa hoặc hơn một nửa cổ phần của pháp nhân đó được nắm giữ bởi những người ở khoản (1) và (2) hoặc bởi một pháp nhân có mà những người ở khoản (1) và (2) đầu tư một nửa hoặc hơn một nửa tổng vốn đầu tư của pháp nhân đó.

(b) Là Công ty TNHH hoặc một liên danh có đăng ký mà được người ở khoản (1) quản lý hoặc tham gia quản lý.

¹⁸ Điều 2.4 của Foreign Investment Promotion Act of Korea

¹⁹ Điều 2.1 của Foreign Investment Promotion Act of Korea.

(c) Là Pháp nhân đăng ký thành lập tại Thái Lan có một nửa hoặc hơn cổ phần nắm giữ bởi người quy định tại khoản (1), (2) hoặc (3) hoặc một người có người ở khoản (1), (2) hoặc (3) đầu tư với giá trị bằng một nửa hoặc hơn một nửa tổng vốn đầu tư.

4. Vốn đầu tư nước ngoài

Indonesia: “Vốn đầu tư nước ngoài” là vốn sở hữu bởi một quốc gia nước ngoài, một công dân nước ngoài, một thực thể kinh doanh nước ngoài, một thực thể pháp lý nước ngoài, hoặc một thực thể pháp lý Indonesia trong đó vốn này được sở hữu một phần hoặc toàn bộ bởi bên nước ngoài.

Bangladesh: “Vốn đầu tư nước ngoài” là vốn đầu tư tại Bangladesh vào bất kỳ lĩnh vực nào và được thực hiện bởi công dân của bất kỳ quốc gia nào hoặc bởi công ty thành lập bên ngoài lãnh thổ Bangladesh dưới hình thức trao đổi ngoại hối, nhập khẩu máy móc và thiết bị, hoặc theo một hình thức khác được Chính phủ chấp thuận cho các mục đích đầu tư xác định.

Pakistan: “Vốn đầu tư nước ngoài” là khoản đầu tư thực hiện bởi nhà đầu tư nước ngoài [hoặc bởi một người là công dân Pakistan và đồng thời là công dân của một quốc gia khác] vào một lĩnh vực tại Pakistan theo một trong các hình thức sau: (1) Hình thức trao đổi ngoại hối, nhập khẩu máy móc, thiết bị, hoặc (2) Những hình thức khác được Chính phủ liên bang chấp thuận cho mục đích đầu tư xác định.

5. Doanh nghiệp nước ngoài:

Thái Lan: “Doanh nghiệp nước ngoài” gồm:

- (1) Thể nhân không phải là công dân Thái Lan;
- (2) Pháp nhân không đăng ký kinh doanh tại Thái Lan;
- (3) Pháp nhân đăng ký tại Thái Lan nhưng có các đặc điểm sau:

+ Có một nửa hoặc hơn một nửa vốn điều lệ nắm giữ bởi những chủ thể (1) hoặc (2); hoặc pháp nhân được các chủ thể (1) hoặc (2) nắm giữ một nửa hoặc hơn một nửa tổng tài sản của pháp nhân đó tính theo giá trị.

+ Một công ty hợp danh trách nhiệm hữu hạn hoặc một công ty hợp danh thông thường có đăng ký mà thành viên điều hành hoặc người quản lý là một chủ thể nêu tại điểm (1);

+ Một pháp nhân đăng ký tại Thái Lan có một nửa hoặc hơn một nửa cổ phần được nắm giữ bởi các chủ thể (1),(2) hoặc (3) hoặc các chủ thể (1), (2) hoặc (3) nắm giữ một nửa hoặc hơn một nửa tổng tài sản của pháp nhân tính theo giá trị.

Malaysia: “Doanh nghiệp nước ngoài” theo Luật Công ty 1965 là:

(1) Một công ty, một hãng, một tổ chức xã hội, hiệp hội hoặc các cơ quan khác thành lập ngoài lãnh thổ Malaysia hoặc

(2) Một tổ chức xã hội, hiệp hội hoặc cơ quan khác không có tư cách pháp nhân và theo luật nơi mà tổ chức đó được thành lập thì tổ chức đó có thể đi kiện hoặc bị khởi kiện hoặc nắm giữ tài sản dưới tên của thư ký hoặc cán bộ của tổ chức đó, người mà được chỉ định theo một cách thức phù hợp, và không có trụ sở chính hoặc địa điểm kinh doanh tại Malaysia.

Trung Quốc: “Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài” là doanh nghiệp được thành lập trên lãnh thổ Trung Quốc theo quy định của pháp luật Trung Quốc, toàn bộ vốn được đầu tư bởi nhà đầu tư nước ngoài. Doanh nghiệp đó không bao gồm chi nhánh được thành lập bởi doanh nghiệp nước ngoài và những thực thể kinh tế khác trên lãnh thổ Trung Quốc.

Hàn Quốc: “Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài” là một công ty do một nhà đầu tư nước ngoài bỏ vốn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UNDP, *Báo cáo nghiên cứu về pháp luật đầu tư nước ngoài ở một số nước*, 2004.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, *Báo cáo nghiên cứu về pháp luật đầu tư của một số nước*, 2014.

3. UNCTAD, *World Investment Report 2013, Global value chains: Investment and Trade for development*, United nation publican, 2013.

TTBD ĐBDC

